

Số /KH-UBND

Như Xuân, ngày tháng năm 2021

## **KẾ HOẠCH**

### **Thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/HU của BCH Đảng bộ huyện về tăng cường sự lãnh đạo của cấp uỷ Đảng nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trên địa bàn huyện Như Xuân, giai đoạn 2021 – 2025**

Ngày 03 tháng 8 năm 2021, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, khoá XXIII đã ban hành Nghị quyết số 04-NQ/HU về tăng cường sự lãnh đạo của cấp uỷ Đảng nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trên địa bàn huyện Như Xuân, giai đoạn 2021 – 2025. Đề sớm đưa Nghị quyết vào cuộc sống trở thành hiện thực, UBND huyện Như Xuân xây dựng kế hoạch thực hiện như sau:

#### **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU.**

1. Việc xây dựng và ban hành Kế hoạch thực hiện nhằm quán triệt và cụ thể hóa nhiệm vụ của các phòng, ban, ngành, địa phương, đơn vị để tập trung tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 04-NQ/HU ngày 03/8/2021 của Huyện uỷ về nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trên địa bàn huyện; sớm đưa các nội dung Nghị quyết đi vào thực tế cuộc sống, tạo bước phát triển toàn diện, đột phá giáo dục huyện nhà trong giai đoạn mới.

2. Tổ chức tuyên truyền sâu rộng các nhiệm vụ của Kế hoạch thực hiện đến các phòng, ngành, địa phương, đơn vị và Nhân dân trong huyện nhằm nâng cao nhận thức, hiểu rõ tầm quan trọng, tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ giáo dục trên địa bàn.

3. Quá trình tổ chức thực hiện Kế hoạch phải gắn với các nghị quyết, chỉ thị, kết luận, chương trình hành động của Trung ương, của Tỉnh, của huyện; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát, bổ sung, cập nhật những chủ trương, nhiệm vụ mới để đáp ứng với yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn; đề cao tinh thần chủ động, đổi mới, sáng tạo, gắn trách nhiệm của tập thể, người đứng đầu, các cá nhân có liên quan bảo đảm các nhiệm vụ thực hiện có chất lượng, hiệu quả đến công tác giáo dục.

#### **II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ**

##### **1. Công tác huy động, duy trì sĩ số và thực hiện phổ cập giáo dục.**

###### **- Mục tiêu:**

+ Duy trì vững chắc phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi. Hàng năm huy động số cháu nhà trẻ ra lớp tăng từ 1% - 2% /năm để đến năm 2025 có trên 34% các cháu đến trường; các cháu mẫu giáo (từ 3-5 tuổi) phấn đấu huy động ra lớp đạt tỷ lệ 99,5%; duy trì tỷ lệ trẻ mẫu giáo 5 tuổi ra lớp đạt 100%.

+ Duy trì và củng cố vững chắc phổ cập GD Tiểu học mức độ 3; xoá mù chữ mức độ 2. Hàng năm duy trì tỷ lệ huy động 100% trẻ 6 tuổi ra lớp 1, 100% học sinh học hết chương trình lớp 5 được công nhận hoàn thành chương trình Tiểu học.

+ Duy trì và củng cố vững chắc kết quả phổ cập GD THCS mức độ 2, phần đầu 60% số xã, thị trấn đạt mức độ 3; 100% số học sinh đã học hết chương trình Tiểu học vào học lớp 6. Hạn chế tối đa học sinh bỏ học (dưới 1%); 99% trở lên học sinh lớp 9 học hết chương trình đều được công nhận tốt nghiệp.

**- Nhiệm vụ:**

+ Chỉ đạo các trường học hằng năm rà soát và huy động tối đa học sinh trong độ tuổi ra lớp, vận động trẻ khuyết tật, trẻ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn xã, thị trấn đến trường; tạo điều kiện tốt nhất cho các cháu mầm non, học sinh được học tập. Chỉ đạo ngành giáo dục thường xuyên phối kết hợp với các ban, ngành đoàn thể tại địa phương tuyên truyền sâu rộng “Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường” để phụ huynh, Nhân dân hiểu đồng thuận thực hiện. Tích cực rà soát học sinh có nguy cơ bỏ học giữa chừng để hỗ trợ, động viên khuyến khích học sinh tiếp tục theo học, nhất là các trường hợp học sinh khó khăn, học sinh có bố mẹ đi làm ăn xa...

+ Tiếp tục củng cố, kiện toàn và nâng cao năng lực hoạt động của Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục - chống mù chữ từ huyện đến cơ sở; tăng cường công tác điều tra; tổ chức các lớp phổ cập, xóa mù phù hợp với các đối tượng; phát huy vai trò của các tổ chức, người uy tín...đổi mới chương trình xóa mù chữ và giáo dục tiếp tục sau khi biết chữ phù hợp với chương trình phổ thông, hạn chế mù chữ trở lại (tái mù chữ)...

+ Thường xuyên rà soát các mức độ phổ cập từng bậc học để có biện pháp điều chỉnh nhằm đạt các chỉ tiêu, chỉ số theo quy định; đặc biệt là để phần đầu đạt mục tiêu phổ cập giáo dục THCS mức độ 3 trong giai đoạn mới; hằng năm cần rà soát số học sinh độ tuổi từ 15-18 chưa đạt tốt nghiệp THCS để có kế hoạch mở lớp bổ túc THCS nhằm đạt tỷ lệ theo yêu cầu...

+ Nâng cao hiệu quả công tác dự báo nhu cầu về trình độ nguồn nhân lực thuộc các lĩnh vực, ngành nghề phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội để thực hiện hiệu quả công tác phân luồng, định hướng, tư vấn nghề nghiệp cho học sinh THCS, THPT. Thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia về giáo dục; triển khai đồng bộ, chất lượng công tác xây dựng trường chuẩn; duy trì và củng cố vững chắc kết quả phổ cập giáo dục.

**2. Về chất lượng giáo dục:**

**- Mục tiêu:**

+ *Bậc học Mầm non:* Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng mầm non hàng năm từ 0,5 -1%, phần đầu đến 2025 tỷ lệ suy dinh dưỡng cân nặng-chiều cao dưới 10%-14% (trẻ ra lớp dưới 5%-6%). 100% trường mầm non dạy 2 buổi/ngày; 100% khu trung tâm ăn bán trú; đến năm 2025 có trên 90% các điểm lẻ tổ chức được

các bếp ăn bán trú; có trên 25% số trường học dạy song ngữ cho các cháu mẫu giáo. Phân đầu đến năm 2025 chất lượng giáo dục mầm non xếp hạng thứ 4/11 huyện miền núi.

+ *Bậc Tiểu học*: Nâng cao chất lượng giáo dục, phân đầu đến năm 2025 đánh giá kết quả giáo dục cuối năm học có từ 60% học sinh đạt mức hoàn thành tốt trở lên; giảm tỷ lệ học sinh chưa hoàn thành dưới 1%. Phân đầu xếp thứ hạng 4/11 huyện miền núi về chất lượng giáo dục Tiểu học.

+ *Bậc THCS*: Phân đầu đến năm 2025 tỷ lệ học sinh giỏi đạt trên 12%, học sinh khá trên 39%, giảm học sinh yếu kém dưới 2%/ năm. Giáo dục mũi nhọn, phân đầu đến năm 2025 thuộc nhóm dẫn đầu của khu vực miền núi, xếp thứ 15 toàn tỉnh.. Nâng dần điểm bình quân vào lớp 10 THPT hằng năm từ 0,5-1,0 điểm để đến năm 2025 điểm bình quân các môn thi đạt 5,3 điểm trở lên. Phân đầu xếp thứ hạng 4/11 huyện miền núi về chất lượng giáo dục THCS.

+ *Bậc THPT, GDTX*: Hàng năm tuyển từ 70% số học sinh tốt nghiệp THCS vào học lớp 10. Duy trì tỷ lệ học sinh hàng năm từ 98,5 – 99%. Giảm tỷ lệ bỏ học dưới 1,5%; 97% hạnh kiểm khá, tốt đạt trở lên, không có học sinh xếp loại hạnh kiểm yếu. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT, Bổ túc THPT đạt từ 98% trở lên. Số học sinh đậu vào các trường Đại học hằng năm tăng từ 1-2% để đến năm 2025 có trên 40% học sinh lớp 12 thi đỗ vào các trường đại học, số còn lại tham gia học nghề và định hướng ngành phát triển khác. Xếp hạng học sinh giỏi cấp tỉnh trong top 5 các trường THPT của 11 huyện miền núi, không có trường nào nằm top cuối của tỉnh.

**- Nhiệm vụ:**

+ **Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trách nhiệm** cho các cấp ủy đảng, chính quyền; Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và Nhân dân trong việc phát triển sự nghiệp giáo dục và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Tích cực tuyên truyền, quán triệt, triển khai thực hiện có hiệu quả Kết luận số 51-KL/TW, ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của tỉnh về giáo dục – đào tạo nhằm nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của việc nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục đối với phát triển kinh tế, nâng cao trình độ dân trí, xây dựng đời sống văn hóa mới, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống cho Nhân dân, giảm nghèo nhanh và bền vững...

Xác định rõ trách nhiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền; sự phối hợp của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể từ huyện đến cơ sở; sự tham gia của Nhân dân và xã hội trong việc chăm lo phát triển giáo dục – đào tạo.

+ **Tăng cường công tác phối hợp** giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong giáo dục học sinh; tiếp tục quán triệt sâu sắc quan điểm chỉ đạo “Giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và xã hội” xác định rõ nội dung, trách nhiệm, xây dựng cơ chế, mối quan hệ trong công tác phối hợp; tránh tư tưởng ỷ lại, hay “khoán trắng” giáo dục học sinh cho nhà trường.

+ **Đẩy mạnh phong trào thi đua “dạy tốt - học tốt”** gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập làm theo tư tưởng đạo đức phong cách Hồ Chí Minh gắn với việc học tập trong nhà trường. Giáo dục học sinh theo hướng phát triển con người tự nhiên, toàn diện, có các giá trị cốt lõi: Có sức khỏe, trí tuệ, có phẩm chất và năng lực, có ý thức, trách nhiệm cao đối với bản thân, gia đình, xã hội; có kỹ năng sống, kỹ năng làm việc; chú trọng quan điểm “Học để biết, học để làm, học để chung sống và học để tự khẳng định mình”.

Tập trung xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn, thân thiện; tổ chức triển khai có hiệu quả đi vào chiều sâu các hoạt động đoàn – đội, hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động ngoại khóa, với các chủ đề như “Bác Hồ với bài học về đạo đức, lối sống”, các hoạt động về nguồn; nghiên cứu, học tập tài liệu địa phương và rèn kỹ năng sống; phát triển toàn diện “đức, trí, thể, mỹ” cho học sinh; gắn với bồi đắp tinh thần yêu nước, giữ gìn, phát huy giá trị lịch sử, văn hoá quê hương, đất nước.

+ **Nâng cao chất lượng giáo dục các bậc học:** Thực hiện có hiệu quả chương trình giáo dục Mầm non mới, huy động tối đa trẻ nhà trẻ, mẫu giáo ra lớp, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng. Đảm bảo 100% trẻ Mẫu giáo 5 tuổi khi bước vào lớp 1 phát âm rõ ràng và nhận biết 29 chữ cái, biết 10 chữ số đầu. Xây dựng 02 trường trọng điểm về chất lượng giáo dục (*MN TT Yên Cát, MN Bãi Trành*).

Nâng cao chất lượng học sinh vào các lớp đầu cấp bậc phổ thông; tổ chức có hiệu quả công tác bồi dưỡng học sinh khá giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém. Thực hiện đầy đủ chương trình dạy 2 buổi/ngày, nhất là các trường đạt chuẩn và các lớp học theo chương trình giáo dục phổ thông 2018. Tiếp tục thực hiện Đề án “Nâng cao chất lượng dạy và học Ngoại ngữ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2020-2025”. Phấn đấu đến năm 2023 có 100% các trường Tiểu học dạy học tin học, ngoại ngữ. Tập trung xây dựng trường tiểu học Yên Cát trọng điểm về chất lượng và tổ chức bán trú cho học sinh.

+ **Tăng cường giáo dục mũi nhọn** hằng năm tăng số lượng giải, chất lượng giải học sinh giỏi cấp tỉnh và đổ vào các trường chuyên của Tỉnh, Bộ; Tập trung thực hiện hiệu quả lộ trình Đề án nâng cao chất lượng giáo dục mũi nhọn tại trường THCS Yên Cát giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 130-NQ/HĐND ngày 22/12/2020 của Hội đồng nhân dân huyện Như Xuân. Tăng cường hiệu quả hoạt động của các Câu lạc bộ, Sân chơi trí tuệ tại các trường. Xây dựng 02 trường trọng điểm về chất lượng (*THCS TT Yên Cát, PT DTNT*). Tổ chức linh hoạt hình thức giao lưu các môn văn hoá cấp huyện nhằm nâng cao chất lượng và làm nền móng cho bậc THCS, THPT. Tăng cường giáo dục đạo đức, lý tưởng sống cho học sinh THPT duy trì và nâng cao tỷ lệ học sinh có học lực khá, giỏi tăng từ 1,0-1,5% hàng năm.

Chỉ đạo ngành giáo dục tổ chức nghiêm túc, khoa học các kỳ thi; tăng dần bền vững vị trí thứ hạng trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh. Mở rộng mô hình giáo dục thường xuyên, có chất lượng theo chức năng nhiệm vụ quy định.

### **2.3. Về đội ngũ nhà giáo, CBQL.**

#### **- Mục tiêu:**

+ Phân đầu đến năm 2025: 100% giáo viên có trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn. Hằng năm có ít nhất 90% giáo viên dạy giỏi cấp trường trở lên.

+ 100% các đơn vị trường học bố trí cơ bản đủ số lượng, cơ cấu giáo viên, nhân viên theo quy định. 100% các trường đầy đủ về cán bộ quản lý và được đánh giá chuẩn hiệu trưởng và chuẩn nghề nghiệp được xếp loại từ khá trở lên.

#### **- Nhiệm vụ:**

+ Tiếp tục tuyên truyền và khơi dậy niềm vinh dự, tự hào về phẩm chất cao đẹp của nghề dạy học, Nhà giáo Việt Nam. Tăng cường bồi dưỡng, nâng cao ý thức trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đảm bảo theo chuẩn Luật giáo dục năm 2019 và các nhiệm vụ theo công việc được giao.

+ Tăng cường vai trò, trách nhiệm của cán bộ quản lý giáo dục các cấp, nhất là người đứng đầu đơn vị, gắn với trách nhiệm nêu gương của các nhà giáo. Đổi mới mạnh mẽ công tác quản lý giáo dục đi vào thực chất, khoa học, sáng tạo, hiệu quả, tránh bệnh thành tích. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao chất lượng.

+ Đổi mới công tác thanh tra, kiểm tra, quan tâm kiểm tra đột xuất và kiểm tra theo vụ việc phát sinh. Bám sát các nhiệm vụ trọng tâm và chỉ tiêu phân đầu hàng năm; lấy kết quả học tập của học sinh làm căn cứ chính để đánh giá năng lực giảng dạy của giáo viên và hiệu quả chỉ đạo của CBQL. Thực hiện công tác tôn vinh, khen thưởng và các chế độ, chính sách kịp thời, tạo động lực, điều kiện để đội ngũ nhà giáo chuyên tâm với nghề nghiệp.

+ Tiếp tục thực hiện có hiệu quả việc đánh giá tháng; đánh giá cán bộ quản lý, giáo viên theo quy định của Bộ GD&ĐT. Thực hiện nghiêm túc việc luân chuyển cán bộ quản lý, giáo viên theo Quyết định 300/QĐ-UBND của UBND huyện ngày 03/3/2021. Bổ nhiệm đội ngũ CBQL kịp thời, đủ số lượng, đảm bảo chất lượng. Kiên quyết điều chuyển hoặc cho nghỉ làm công tác quản lý đối với những cán bộ quản lý thiếu tinh thần trách nhiệm, để chất lượng giáo dục nhà trường yếu kém hoặc để xảy ra các vụ việc nổi cộm thuộc về yếu tố chủ quan.

+ Khắc phục tối đa tình trạng thiếu giáo viên, nhất là các giáo viên dạy các môn văn hoá để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ được giao. Thực hiện nghiêm túc kỷ luật, kỷ cương, đạo đức công vụ trong trường học; kiên quyết xử lý các trường hợp giáo viên vi phạm các quy định của Đảng, Nhà nước và quy định của ngành. Đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả chủ đề năm học.

+ Tăng cường công tác xây dựng Đảng và phát triển đảng viên tại các chi bộ trường học, phát huy vai trò của tổ chức Đảng, vai trò của đảng viên, để thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị trong từng đơn vị trường học. Củng cố, phát

huy vai trò của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường, tạo động lực để nâng cao chất lượng giáo dục.

#### **2.4. Phát triển mạng lưới trường lớp:**

##### **- Mục tiêu:**

+ Duy trì quy mô trường lớp ổn định trong giai đoạn 2021-2025: toàn huyện gồm 53 cơ sở giáo dục, trong đó: Mầm non 18 trường công lập và phần đầu xây dựng 01 trường mầm non tư thục; Tiểu học: 12 trường; THCS: 12 trường; TH&THCS: 06 trường, THPT: 02 trường; THCS&THPT: 01 trường; Trung tâm GDNN-GDTX: 01 trường. Số lớp giao động từ 730 – 735 lớp; số học sinh từ 18.500 – 19.000 học sinh.

+ Rà soát lại qui mô các lớp, sĩ số học sinh, các điểm lẻ; đôn các điểm lẻ hoạt động không hiệu quả nhằm giảm bớt các điểm trường ở bậc MN, TH; phần đầu đến năm 2025 cơ bản mỗi trường không quá 03 điểm lẻ.

##### **- Nhiệm vụ:**

+ Triển khai việc rà soát, lập quy hoạch mạng lưới trường lớp theo Đề án của tỉnh giai đoạn 2021-2025. Tiếp tục củng cố cơ sở vật chất, cảnh quan trường lớp các điểm trường chính để phục vụ tốt cho nhiệm vụ dạy học theo chương trình phổ thông năm 2018 và chương trình giáo dục mầm non mới. Xây dựng kế hoạch, chỉ đạo ngành giáo dục phối hợp với các địa phương sắp xếp mạng lưới trường lớp ở các cấp học theo phương châm giảm tối đa số điểm lẻ các trường Mầm non, trường Tiểu học; phần đầu đến năm 2025 giảm tối thiểu 26 điểm trường các trường Mầm non, Tiểu học để nâng cao chất lượng và tập trung tăng cường CSVC, trang thiết bị dạy học (*có phụ biểu kèm theo*).

+ Nghiên cứu bố trí hợp lý theo quy hoạch các trường tư thục trên địa bàn thị trấn Yên Cát; khuyến khích và tạo điều kiện hỗ trợ các, tổ chức cá nhân thành lập các trường ngoài công lập theo Nghị quyết số 386/2021/NQ-HĐND ngày 26/4/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa về ban hành chính sách xã hội hóa giáo dục mầm non tỉnh Thanh Hóa đến năm 2033...

+ Rà soát, quy hoạch, bổ sung quỹ đất cho các trường học theo quy định; bảo đảm cơ bản đủ diện tích khuôn viên ở các điểm trường nhằm đáp ứng diện tích xây dựng các hạng mục cơ sở vật chất, sân chơi, bãi tập, công trình vệ sinh... và nhu cầu cho các hoạt động giáo dục theo quy định.

#### **5 Tăng cường cơ sở vật chất, trường chuẩn quốc gia:**

##### **- Mục tiêu:**

+ 100% trường học đủ phòng học để dạy 2 buổi/ngày. 100% các điểm chính, điểm lẻ các trường học được giao quyền sử dụng đất.

+ 100% các trường có nhà hiệu bộ, cơ bản đủ phòng chức năng, các công trình phụ trợ giáo dục... Phần đầu có trên 80% các trường học được công nhận đạt chuẩn quốc gia; từ nay đến năm 2025 có ít nhất 12 trường được công nhận mới, 28 trường được công nhận lại và nâng chuẩn (*có phụ biểu đơn vị kèm theo*).

**- Nhiệm vụ:**

+ Tổ chức triển khai thực hiện theo Thông tư 13/2020/TT-BGD&ĐT ngày 27/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường học; gắn với kế hoạch xây dựng nông thôn mới của huyện giai đoạn 2021-2025.

+ Triển khai hiệu quả Quyết định 2726/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND huyện Như Xuân về việc ban hành Đề án tăng cường cơ sở vật chất trường học trên địa bàn huyện Như Xuân; Kế hoạch số 188/KH-UBND ngày 23/12/2020 về xây dựng trường chuẩn của các trường học trên địa bàn huyện Như Xuân giai đoạn 2021-2025.

+ Triển khai thực hiện có hiệu quả Thông tư 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân đảm bảo đúng quy định, tối đa nguồn lực; các Nghị quyết HĐND, quyết định UBND tỉnh về quy định mức thu, chi trong các cơ sở giáo dục. Tập trung huy động mọi nguồn lực để tăng cường cơ sở vật chất cho các trường học theo phương châm Nhà nước và Nhân dân cùng làm đảm bảo trách nhiệm chung toàn xã hội; tập trung xóa toàn bộ các phòng học tạm, mượn; đủ phòng học cho thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018 bảo đảm dạy học 2 buổi/ngày; khắc phục triệt để tình trạng thiếu nhà vệ sinh, xóa nhà vệ sinh tạm bợ không đảm bảo tiêu chuẩn; bổ sung bàn ghế học sinh cho các phòng học còn thiếu. Xây dựng mỗi trường Tiểu học, TH-THCS, THCS có 01 phòng tin học và tăng cường CSVC cho các trường chuẩn, trường trọng điểm và trường bán trú...

*(Có phụ biểu danh mục đầu tư giai đoạn 2021-2025 kèm theo)*

### **III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Phòng Giáo dục và Đào tạo**

- Chủ trì tham mưu kế hoạch tổng thể thực hiện và kế hoạch hàng năm. Chủ trì, phối hợp với phòng, ban, ngành, UBND các xã, thị trấn trong việc tổ chức thực hiện kế hoạch. Chịu trách nhiệm trực tiếp về các giải pháp chuyên môn, nâng cao chất lượng giáo dục.

- Trực tiếp chỉ đạo các đơn vị trường học tổ chức thực hiện Kế hoạch có hiệu quả. Báo cáo thường xuyên và tham mưu cho UBND huyện các vấn đề có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ được giao.

#### **2. Phòng Nội vụ**

- Phối hợp với Phòng GD&ĐT tham mưu phương án đảm bảo cơ bản số lượng người làm việc trong các đơn vị trường học thuộc phạm vi quản lý của UBND huyện; sắp xếp đội ngũ CBQL, giáo viên, nhân viên hàng năm theo quy định.

- Thực hiện các nhiệm vụ thuộc chức năng, thẩm quyền có liên quan trong quá trình thực hiện kế hoạch.

### **3. Phòng Tài chính – Kế hoạch**

- Phối hợp với Phòng GD&ĐT tham mưu kế hoạch, phương án bố trí các nguồn kinh phí thực hiện đầu tư xây dựng các công trình trường học theo lộ trình thực hiện. Thống nhất phương án tham mưu kế hoạch đầu tư mua sắm trang thiết bị dạy học và các phần mềm hỗ trợ giáo dục hàng năm.

- Thực hiện các nhiệm vụ thuộc chức năng, thẩm quyền có liên quan trong quá trình thực hiện.

### **4. Phòng kinh tế hạ tầng**

- Hỗ trợ UBND các xã, thị trấn rà soát, xây dựng hoặc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch tổng thể các khối công trình trong khuôn viên các trường học.

- Phối hợp với phòng GD&ĐT phê duyệt thiết kế các công trình trường học đảm bảo đúng quy định, an toàn, tiết kiệm, công năng sử dụng cao. Thực hiện các nhiệm vụ thuộc chức năng, thẩm quyền có liên quan trong quá trình thực hiện.

### **5. Phòng Tài nguyên – Môi trường**

- Hỗ trợ các xã, thị trấn xây dựng kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2025, kế hoạch chuyển đổi mục đích sử dụng đất, tạo nguồn lực phát triển cơ sở hạ tầng và đầu tư xây dựng các công trình trường học.

- Hỗ trợ về thủ tục pháp lý để một số đơn vị nhà trường có nhu cầu và điều kiện được điều chỉnh quy hoạch, mở rộng diện tích, khuôn viên nhà trường.

- Hỗ trợ thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tất cả các đơn vị trường học trên địa bàn huyện. Thực hiện các nhiệm vụ thuộc chức năng, thẩm quyền có liên quan trong quá trình thực hiện.

### **6. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn**

- Xây dựng kế hoạch thực hiện trong phạm vi quản lý nhà nước về giáo dục của địa phương. Chịu trách nhiệm trước UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện về các nhiệm vụ có liên quan đến việc thực hiện kế hoạch trên địa bàn.

- Tập trung ưu tiên các nguồn lực để chủ động đề xuất phương án đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất trường học, đáp ứng yêu cầu đảm bảo các điều kiện dạy học cơ bản và xây dựng trường chuẩn quốc gia theo kế hoạch.

- Làm tốt công tác quản lý nhà nước về giáo dục và huy động các tầng lớp nhân dân, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tham gia công tác giáo dục trẻ em và thanh thiếu niên theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ thuộc chức năng, thẩm quyền có liên quan trong quá trình thực hiện.

### **7. Các trường học trong huyện**

- Xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện các chỉ tiêu; tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các xã, thị trấn trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển giáo dục ở địa phương giai đoạn 2021-2025 và từng năm học.



- Thường xuyên báo cáo, tham mưu, đề xuất công tác đầu tư cơ sở vật chất trường học, đáp ứng yêu cầu cơ bản cho các hoạt động giáo dục của nhà trường; được công nhận và duy trì các tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia.

- Tổ chức thực hiện tốt các hoạt động giáo dục trong nhà trường; chủ trì tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài nhà trường theo các nhiệm vụ, giải pháp và mục tiêu đề ra. Chịu trách nhiệm về các nhiệm vụ thuộc chức năng, thẩm quyền có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giáo dục.

**8. Các Ban chỉ đạo xây dựng trường chuẩn quốc gia, Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục và các ban chỉ đạo được thành lập theo chức năng, nhiệm vụ công việc; tăng cường các giải pháp huy động học sinh ra lớp đảm bảo duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục; thực hiện đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị các trường học đảm bảo thực hiện các chỉ tiêu kiểm định chất lượng – xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia theo kế hoạch.**

### **9. Các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội và các ngành liên quan**

- Đề nghị Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị phối hợp với UBND huyện trong việc giám sát quá trình triển khai, tổ chức thực hiện Kế hoạch; tuyên truyền vận động các tầng lớp nhân dân tham gia quá trình thực hiện Nghị quyết, phát triển giáo dục trên địa bàn huyện.

- Hội khuyến học huyện: Phối hợp với các phòng chuyên môn UBND huyện, UBND các xã, thị trấn đẩy mạnh công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng gia đình, dòng họ và xã hội học tập; chăm lo, làm tốt công tác giáo dục tại gia đình và cộng đồng dân cư; tạo môi trường xã hội lành mạnh cho sự phát triển trẻ em, thanh thiếu niên và hỗ trợ, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu của Nghị quyết và kế hoạch đã đề ra.

- Đề nghị Ban Tuyên giáo Huyện uỷ tăng cường công tác tuyên truyền; các ngành liên quan thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ đảm bảo tổ chức thực hiện kế hoạch đạt kết quả cao nhất./.

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng UBND tỉnh (để b/c);
- Sở GD&ĐT Thanh Hoá (để b/c);
- Thường trực Huyện ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND huyện (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Các Ủy viên UBND huyện;
- Ủy ban MTTQ, các đoàn thể huyện;
- Các phòng, ban, ngành, đơn vị cấp huyện;
- Các đảng ủy, UBND các xã, thị trấn;
- Hội khuyến học huyện;
- Các trường học trên địa bàn huyện;
- Lưu: VT, GD&ĐT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đức Đồng**

**Phụ lục 1: PHƯƠNG ÁN BỐ TRÍ NGÂN SÁCH GIAI ĐOẠN 2021-2025  
THỰC HIỆN KẾ HOẠCH**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2021  
của UBND huyện Như Xuân)*

<b>Thời gian thực hiện</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Kinh phí dự kiến (triệu đồng)</b>	<b>Nguồn kinh phí</b>
<b>Năm 2021</b>	- Bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực nghiệp vụ sư phạm, hỗ trợ dạy tăng buổi nâng cao chất lượng... - Tổ chức hội thảo, tập huấn chương trình GDPT 2018;	<b>2.500</b>	<i>Ngân sách sự nghiệp</i>
	- Đầu tư xây dựng công nhận mới 03 trường chuẩn quốc gia: MN Thanh Xuân, TH-THCS Bình Lương, THCS Xuân Hoà và công nhận lại 09 trường và bổ sung một số trường xuống cấp. - Bổ sung mua sắm trang thiết bị lớp 2, lớp 6 và thiết bị trường chuẩn QG	<b>33.200</b>	<i>Ngân sách Trung ương, tỉnh, huyện, địa phương và nguồn huy động hợp pháp khác</i>
<b>Năm 2022</b>	- Bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực nghiệp vụ sư phạm; hỗ trợ dạy tăng buổi nâng cao chất lượng... - Tổ chức hội thảo, tập huấn chương trình GDPT 2018	<b>2.900</b>	<i>Ngân sách sự nghiệp</i>
	- Đầu tư xây dựng công nhận mới 04 trường chuẩn quốc gia TH Xuân Hoà, MN Tân Bình, MN Bình Lương, MN Thanh Lâm; công nhận lại 09 trường và bổ sung một số trường xuống cấp. - Bổ sung mua sắm trang thiết bị lớp 3, lớp 7 và thiết bị trường chuẩn QG	<b>33.800</b>	<i>Ngân sách Trung ương, tỉnh, huyện, địa phương và nguồn huy động hợp pháp khác</i>
<b>Năm 2023</b>	- Bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực nghiệp vụ sư phạm; hỗ trợ dạy tăng buổi nâng cao chất lượng... - Tổ chức hội thảo, tập huấn chương trình GDPT 2018	<b>3.000</b>	<i>Ngân sách sự nghiệp</i>
	- Đầu tư xây dựng công nhận mới 03 trường chuẩn quốc gia THCS Thanh Xuân, MN Xuân Hoà, THCS Thanh Sơn; công nhận lại 04 trường và bổ sung một số trường xuống cấp. - Bổ sung mua sắm trang thiết bị lớp 4, lớp 8 và thiết bị trường chuẩn QG	<b>28.000</b>	<i>Ngân sách Trung ương, tỉnh, huyện, địa phương và nguồn huy động hợp pháp khác</i>

<b>Năm 2024</b>	- Bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực nghiệp vụ sư phạm; hỗ trợ dạy tăng buổi nâng cao chất lượng... - Tổ chức hội thảo, tập huấn chương trình GDPT 2018	<b>3.100</b>	<i>Ngân sách sự nghiệp</i>
	- Đầu tư xây dựng công nhận mới 02 trường chuẩn quốc gia THCS Tân Bình, THCS Thanh Phong, công nhận lại 04 trường và bổ sung một số trường xuống cấp. - Bổ sung mua sắm trang thiết bị lớp 5, lớp 9 và thiết bị trường chuẩn QG	<b>25.000</b>	<i>Ngân sách Trung ương, tỉnh, huyện, địa phương và nguồn huy động hợp pháp khác</i>
<b>Năm 2025</b>	- Bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực nghiệp vụ sư phạm; hỗ trợ dạy tăng buổi nâng cao chất lượng... - Tổ chức hội thảo, tập huấn chương trình GDPT 2018	<b>2.600</b>	<i>Ngân sách sự nghiệp</i>
	- Đầu tư xây dựng trường chuẩn mức độ 2 cho 3 trường, 01 trường bán trú Tiểu học; công nhận lại 05 trường và bổ sung một số trường xuống cấp. - Tiếp tục mua sắm bổ sung trang thiết bị phục vụ dạy học theo chương trình mới	<b>30.911,8</b>	<i>Ngân sách Trung ương, tỉnh, huyện, địa phương và nguồn huy động hợp pháp khác</i>
<b>Tổng cộng</b>		<b>165.011,8</b>	

**Phụ lục 2: CHỈ TIÊU CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG, GIÁO DỤC CẤP MẦM NON  
GIAI ĐOẠN 2021-2025**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND huyện Như Xuân)*

STT	Năm học	Tỷ lệ Công tác huy động			Tỷ lệ bán trú	Tỷ lệ SDD		Chất lượng GD tỷ lệ Đạt	Ghi chú
		NT	MG	5 tuổi		NT	MG		
1	2021-2022	30	98,5	100	83	6.5	6.6	98	
2	2022-2023	31	98,8	100	84	6,0	6,1	98,1	
3	2023-2024	32	99	100	86	5,0	5.6	98,3	
4	2024-2025	33	99,5	100	88	5,0	5,1	98,4	
5	2025-2026	34	99,8	100	90	4.5	5,0	98,5	

**Phụ lục 3: CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG HỌC SINH BẬC TIỂU HỌC GIAI ĐOẠN 2021-2025***(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND huyện Như Xuân)*

Năm học	Tiếng việt		Toán		Tiếng Anh		Phẩm chất, năng lực	
	HTT	CHT	HTT	CHT	HTT	CHT	Tốt	Cần cố gắng
2021-2022	42.2%	Dưới 1%	44%	Dưới 1%	25%	Dưới 1%	41%	Dưới 1%
2022-2023	46.7%	Dưới 1%	48%	Dưới 1%	34%	Dưới 1%	42%	Dưới 1%
2023-2024	51.2%	Dưới 1%	52%	Dưới 1%	43%	Dưới 1%	43%	Dưới 1%
2024-2025	55.7%	Dưới 1%	56%	Dưới 1%	52%	Dưới 1%	44%	Dưới 1%
2025-2026	60.2%	Dưới 1%	60%	Dưới 1%	60%	Dưới 1%	45%	Dưới 1%

**Phụ lục 4: CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG HỌC SINH TRUNG HỌC CƠ SỞ GIAI ĐOẠN 2021-2025***(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND huyện Như Xuân)*

STT	Năm học	Số lớp	Số học sinh	Chất lượng đại trà								Chất lượng mũi nhọn		Kết quả thi vào lớp 10				
				Học lực				Hạnh Kiểm				HS giỏi tỉnh		HS giỏi huyện	Toán	Văn	Tiếng Anh	Điểm TB
				Giỏi	Khá	TB	Yếu	Tốt	Khá	TB	Yếu	Số giải	Xếp thứ					
1	2021-2022	153	4843	8.5	35	54,1	2.4	84.5	14.2	1.3	0	22	20/27	341	4.2	4.7	4.6	4.50
2	2022-2023	171	4922	9.4	36	52,3	2.3	84.6	14.2	1.2	0	24	19/27	353	4.4	4.9	4.8	4.70
3	2023-2024	203	5427	10.2	37	50,6	2.2	84.7	14.1	1.2	0	27	18/27	361	4.6	5.2	5.1	4.97
4	2024-2025	226	5644	11.1	38	48,9	2	84.8	14.1	1.1	0	30	17/27	369	4.8	5.3	5.4	5.17
5	2025-2026	226	5644	12	39	47,1	1.9	84.8	14.1	1.1	0	30	15/27	369	5.0	5.4	5.5	5.30

**Phụ lục 5: KẾ HOẠCH XÂY DỰNG TRƯỜNG CHUẨN QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021 – 2025**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND huyện Như Xuân)*

TT	Tên trường	Lần công nhận gần nhất			Kế hoạch đến năm 2025			Ghi chú
		Tháng	Năm	Mức độ	Xây dựng mới	Công nhận lại	Nâng mức	
1	MN Xuân Bình	12	2019	1		2024 - 2025	<b>2022-2023</b>	
2	MN Thanh Quân	12	2019	1		2024 - 2025		
3	MN Yên Cát	12	2019	2		2024 - 2025		
4	MN Cát Vân	12	2019	1		2024 - 2025	<b>2024 - 2025</b>	
5	MN Cát Tân	1	2015	1		<b>10/2021</b>		
6	MN Thượng Ninh	5	2018	1		2023 - 2024	<b>2024 - 2025</b>	
7	MN Thanh Hòa	6	2016	1		<b>10/2021</b>		
8	MN Bãi Trành	12	2016	1		<b>10/2021</b>	<b>10/2021</b>	
9	MN Hóa Quỳ	12	2018	1		2023 - 2024	<b>2024 - 2025</b>	
10	MN Yên Lễ	12	2016	1		2021-2022	<b>2024-2025</b>	
11	MN Xuân Quỳ	12	2016	1		<b>10/2021</b>	<b>2024 - 2025</b>	
12	TH Hóa Quỳ	7	2015	1		2022 - 2023		
13	TH Cát Tân	1	2011	1		<b>10/2021</b>		
14	TH Xuân Bình	2	2007	1		2021 - 2022		
15	TH Bãi Trành	1	2013	1		2021 - 2022		
16	TH TT Yên Cát	1	2008	1		<b>10/2021</b>	<b>2022-2023</b>	
17	TH Thượng Ninh	7	2015	1		2022 - 2023		
18	TH Thanh Quân	11	2014	1		2022- 2023		
19	PT Dân tộc nội trú	4	2018	1		2023 - 2024	<b>2023 - 2024</b>	
20	THCS Yên Cát	12	2013	1		<b>10/2021</b>		
21	THCS Thượng Ninh	2	2015	1		2021 - 2022		

22	THCS Hóa Quý	4	2018	1		2023 - 2024		
23	THCS Bãi Trành	2	2015	1		2022 - 2023		
24	THCS Xuân Bình	8	2008	1		2022 - 2023		
25	THCS Cát Tân	1	2009	1		<b>10/2021</b>		
26	TH&THCS Cát Vân	10	2019	1		2024 - 2025		
27	TH&THCS Xuân Quý	12	2016	1		<b>10/2021</b>		
28	TH&THCS Yên Lễ	12	2017	1		2021 - 2022		
29	TH&THCS Thanh Hòa	11	2020	1		2025-2026		
30	MN Bình Lương					2022 - 2023		
31	MN Tân Bình					2022 - 2023		
32	MN Thanh Lâm					2022 - 2023		
33	MN Thanh Phong					2025-2026		
34	MN Thanh Sơn					2025-2026		
35	MN Thanh Xuân					<b>10/2021</b>		
36	MN Xuân Hòa					2023 - 2024		
37	TH Thanh Lâm					2026-2027		
38	TH Thanh Phong					2025-2026		
39	TH Thanh Sơn					2026-2027		
40	TH Thanh Xuân					2026-2027		
41	TH Xuân Hòa					2022 - 2023		
42	THCS Thanh Lâm					2025-2026		
43	THCS Thanh Phong					2024 - 2025		
44	THCS Thanh Sơn					2023 - 2024		

45	THCS Thanh Xuân				2023 - 2024			
46	THCS Xuân Hòa				<b>9/2021</b>			
47	TH&THCS Bình Lương				<b>9/2021</b>			
48	TH&THCS Tân Bình				2024 - 2025			



**Phụ lục 6: KẾ HOẠCH SẮP XẾP CÁC ĐIỂM TRƯỜNG LỄ BẠC HỌC MẦM NON, TIỂU HỌC  
GIAI ĐOẠN 2021-2025**

*(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND huyện Như Xuân)*

<b>Stt</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Hiện trạng số điểm trường</b>	<b>Nội dung, phương án</b>	<b>Lộ trình (Năm học)</b>	<b>Quy mô số sau điểm sau sắp xếp</b>
1	MN Yên Lễ	5	Dồn điểm Xuân Chính về Xuân Thịnh và khu trung tâm	2021-2022	3
			Dồn điểm lẻ Cát Tiến về khu lẻ Quế ( khoảng cách 1-2km)	2024-2025	
2	MN Thanh Sơn	4	Dồn nhóm trẻ Kẻ Mạnh 2 (cũ) về Kẻ Mạnh	2021-2022	3
3	MN Thanh Lâm	5	Dồn điểm làng Xắng về làng Chảo (khoảng cách 0,5-1km);	2021-2022	3
			Dồn Đoàn Trung về trung tâm (khoảng cách 2- 2,5km)	2023-2024	
4	MN Thanh Phong	4	Dồn điểm lẻ Xuân Phong; Học sinh về khu trung tâm (khoảng cách 0,8-1km);	2021-2022	2
			Dồn điểm Quang Hùng về Tân Hùng (khoảng cách 1-1,2km)	2022-2023	
5	MN Bình Lương	4	Dồn điểm Làng Gió về trung tâm (khoảng cách 2-2,5km)	2021-2022	2
			Dồn điểm làng Mài về điểm Hợp Thành (khoảng cách 1,5km)	2022-2023	
6	MN Cát Tân	3	Ghép điểm phụ Vân với Cát Thịnh (khoảng cách 0,8-1km); xây dựng địa điểm mới đã được UBND xã Cát tân Quy hoạch	2022-2023	2

7	MN Xuân Hòa	3	Dồn điểm lẻ Thôn Giăng về trung tâm (khoảng cách 2-3km)	2022-2023	2
8	MN Bãi Trành	3	Xóa điểm lẻ Chôi Trờn; Học sinh học học khu trung tâm hoặc học tại điểm lẻ Thôn Hào trường MN Xuân Bình (khoảng cách 0,5-1km)	2022-2023	2
9	MN Hóa Quý	5	Dồn điểm lẻ Xuân Đàm về điểm lẻ Thanh Lương (cách 2-2,5km)	2024-2025	4
10	MN Xuân Bình	4	Dồn điểm Xuân Phú về khu chính ( khoảng cách từ 2-2,5 km)	2023-2024	3
11	MN Thanh Hòa	2	Xóa điểm lẻ Thanh Sơn theo lộ trình di dân về xã Xuân Hòa	trước năm 2025	1
12	TH Thanh Phong	4	Dồn điểm Quang Hùng về Tân Hùng và khu chính (khoảng cách 2-3km)	2021-2022	3
13	TH&THCS Yên Lễ	4	- Dồn điểm lẻ Cát Tiến; học sinh chuyển về khu trung tâm và điểm lẻ Quế Phú. CSVC bàn giao lại cho trường MN Yên Lễ	2021 -2022	3
14	TH Xuân Hòa	3	Dồn điểm lẻ Thôn Giăng về trung tâm (khoảng cách 2-3km)	2021-2022	2
15	TH Thanh Lâm	3	Dồn điểm lẻ Đoàn Trung về điểm chính (3-4km)	2021-2022	2
16	TH Bãi Trành	4	Dồn điểm Xuân Khánh về trung tâm (khoảng cách 2-3km)	2022-2023	3
17	TH Thanh Xuân	4	Dồn điểm Thanh Đồng về Đồng Phóng; CSVC bàn giao cho trường MN Thanh Xuân	2022-2023	3
18	TH Thanh Sơn	4	Dồn điểm Ná Cọ về khu chính (khoảng cách 3,5-4km)	2022-2023	3

19	TH Hóa Quý	4	Dồn điểm Luống Đồng về trung tâm (khoảng cách 3-4km)	2023-2024	3
20	TH Xuân Bình	4	Dồn điểm lẻ Thôn Hào về trung tâm (khoảng cách 2,5-3,5km)	2023-2024	3
21	TH Thượng Ninh	4	Dồn điểm lẻ Đức Thắng về trung tâm (khoảng cách 3-4km)	2023-2024	3
22	TH&THCS Thanh Hòa	2	Xóa điểm lẻ Thanh Sơn theo lộ trình di dân về xã Xuân Hòa	trước năm 2025	1
<b>Tổng</b>		<b>82</b>			<b>56</b>

*Giảm 26 điểm trong giai đoạn 2021-2025*

## PHỤ LỤC 7: RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ VÀ ĐỀ XUẤT CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng năm 2021 của UBND huyện Như Xuân)

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Đơn vị	Danh mục dự án	Hiện trạng công trình nêu rõ những hạng mục còn thiếu	Dự kiến quy mô đầu tư	Địa điểm đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Dự kiến Tổng mức đầu tư				Năm khởi công & hoàn thành	Ghi chú
							Tổng số	Trong đó				
								Vốn NSTW, NST	Vốn ngân huyện	Vốn ngân sách xã		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	<b>TỔNG CỘNG</b>						<b>137.700</b>	<b>98.100</b>	<b>27.200</b>	<b>12400</b>		
<b>I</b>	<b>Thị trấn Yên Cát</b>											
1	<b>MN Yên Cát</b>	Xây mới nhà đa năng MN Yên Cát	Thiếu nhà đa năng	Xây mới	MN Yên Cát	Nâng chuẩn 2	5.000	4.500		500	2025	
2	<b>MN Yên Lễ</b>	Xây mới 04 phòng học (2 tầng) Khu chính MN Yên Lễ, lát sân, vườn, phòng tin học	Thiếu phòng học	Xây mới	Điểm chính - MN Yên Lễ	Nâng chuẩn 2	3.200	2.000	800	400	2022	
		Xây mới 02 phòng học Quế Phú	Thiếu phòng học	Xây mới	Điểm lẻ Quế Phú - MN Yên Lễ	Nâng chuẩn 2	1.600	1.500		100	2023	
		Xây mới 01 phòng học điểm lẻ Xuân Thịnh - MN Yên Lễ	Thiếu phòng học	Xây mới	Điểm lẻ Xuân Thịnh - MN Yên Lễ	Nâng chuẩn 2	800		600	200	2022	
3	<b>TH Yên Cát</b>	Xây mới 04 phòng học, phòng chức năng, khu bán trú; bổ sung máy tính cho 01 phòng học tin học TH Yên Cát	Thiếu phòng học, phòng chức năng, bán trú	Xây mới	Khuôn viên trường TH Yên Cát	Nâng chuẩn 2	2.700	2.000	400	300	2025	

4	<b>TH&amp;THCS Yên Lễ</b>	Cải tạo 8 phòng học Khu chính TH - THCS Yên Lễ; lát gạch sân trường	Phòng học xuống cấp	Cải tạo	Khu chính bậc Tiểu học	Chống xuống cấp	800	400	200	200	2022	
		Xây mới 04 phòng học Khu chính TH-THCS Yên Lễ	Thiếu phòng học	Xây mới	Khu chính bậc Tiểu học	Củng cố chuẩn	1.800	1.000	500	300	2023	
5	<b>THCS TT Yên Cát</b>	Bổ sung tường rào, lát gạch sân trường	Còn thiếu	Làm mới	Khu chính THCS Yên Cát	Nâng chuẩn	1.000		500	500	2025	
6	<b>PT DTNT</b>	Sửa lại nhà 02 tầng ký túc xá: đường điện, đường nước, các thiết bị trong phòng ở, nhà vệ sinh; thay bàn ghế nhà ăn PT DTNT	Các thiết bị trong nhà KTX xuống cấp; nhà truyền thống hỏng; thiếu nhà đa năng.	Cải tạo	Khuôn viên trường PT DTNT	Chống xuống cấp	2.100	1.800	300		2024	
		Xây 01 nhà truyền thống; xây 01 nhà đa năng trường PT DTNT huyện	Thiếu nhà truyền thống, nhà đa năng	Xây mới	Khuôn viên trường PT DTNT	Nâng chuẩn 2	5.200	5.000	200		2024	
<b>II</b>	<b>Xã Thượng Ninh</b>					0						
1	<b>MN Thượng Ninh</b>	Sửa chữa 07 phòng học khu chính MN Thượng Ninh, lát gạch sân trường	Phòng học xuống cấp	Cải tạo	Điểm chính trường MN	Chống xuống cấp	1.000	700	200	100	2023	
		Làm công, tường rào, sân vườn khu chính MN Thượng Ninh	Xuống cấp	Xây mới	Khu chính MN Thượng Ninh	Công nhận chuẩn	900	800		100	2023	
2	<b>TH Thượng Ninh</b>	Xây mới 02 phòng học điểm lẻ Xuân Thượng - TH Thượng Ninh	Thiếu 02 phòng học	Xây mới	Điểm lẻ Xuân Thượng	Công nhận chuẩn	1.100	800	200	100	2022	
		Sửa chữa 04 phòng học (xuống cấp) điểm lẻ Khe Khoai - TH Thượng Ninh	Phòng học xuống cấp	Cải tạo	Điểm lẻ Khe Khoai-TH	Công nhận chuẩn	500	400		100	2022	

		Xây mới 4 phòng học khu chính TH Thượng Ninh, lát sân khu chính, bổ sung phòng máy tính, 01 nhà vệ sinh	Bổ sung do tăng quy mô	Xây mới	Khu chính	Công nhận chuẩn	1.900	1.200	400	300	2022	
3	<b>THCS Thượng Ninh</b>	Xây mới 03 phòng chức năng; 01 nhà vệ sinh; 01 phòng máy tính THCS Thượng Ninh	Thiếu nhà vệ sinh	Xây mới	Khuôn viên THCS Thượng Ninh	Công nhận chuẩn	1.500	1.100	200	200	2022	
<b>III</b>	<b>Xã Cát Tân</b>						0					
1	<b>MN Cát Tân</b>	Xây mới 03 phòng học, 01 nhà vệ sinh điểm lẻ Phụ Vân - MN Cát Tân	Thiếu phòng học, nhà vệ sinh	Xây mới	Quy hoạch địa điểm mới tại thôn Phụ Vân	đồn điểm	2.600	1.800	600	200	2022	Ghép điểm Phụ Vân - Cát Thịnh
		Cải tạo nâng cấp 6 phòng học, lát gạch sân khu chính	Xuống cấp	Cải tạo	Khu chính MN Cát Tân	Chống xuống cấp	1.100	800	200	100	2023	
2	<b>TH Cát Tân</b>	Xây 05 phòng học (nâng tầng) khu chính TH Cát Tân	Thiếu phòng học	Xây mới	Điểm chính trường tiểu học	Tăng lớp	2.200	1.200	700	300	2024	
3	<b>THCS Cát Tân</b>	Xây 02 phòng chức năng THCS Cát Tân; lát gạch sân trường	Thiếu phòng chức năng	Xây mới	khuôn viên THCS Cát Tân	Công nhận chuẩn	1.000	600	300	100	2025	
<b>IV</b>	<b>Xã Cát Vân</b>						0					
1	<b>MN Cát Vân</b>	Xây mới 04 phòng học khu chính MN Cát Vân; lát gạch sân trường khu chính	Thiếu phòng học	Xây mới	Điểm trường chính-MN	Củng cố chuẩn	3.000	2.300	400	300	2024	
2	<b>TH-THCS Cát Vân</b>	Xây mới 02 phòng học; lát gạch sân trường khu chính	Thiếu phòng học	Xây mới	Khu chính TH-THCS Cát Vân	Thiếu phòng học	1.100	500	300	300	2024	
<b>V</b>	<b>Xã Thanh Xuân</b>											
1	<b>MN Thanh Xuân</b>	Cải tạo, sửa chữa phòng học điểm lẻ Thanh Đông - MN Thanh Xuân; Lát gạch sân trường khu chính	Xuống cấp	Cải tạo	Điểm lẻ Thanh Đông-MN	Xuống cấp	800	500	200	100	2023	

2	<b>TH Thanh Xuân</b>	Xây mới 03 phòng học điểm lẻ Đồng Phóng - TH Thanh Xuân	Thiếu phòng học	Xây mới	Điểm lẻ Đồng Phóng-TH	Thiếu phòng học	1.600	1.200	300	100	2022	Dồn Thanh Đồng về Đồng Phóng
		Xây nhà Hiệu bộ Khu chính TH Thanh Xuân, bổ sung máy tính cho phòng tin học, lát sân khu chính	Thiếu nhà Hiệu bộ	Xây mới	Điểm trường chính	Bổ sung hạng mục thiếu	1.200	900	200	100	2022	
		Cải tạo 05 phòng học hiện có; xây mới 04 phòng học khu chính TH Thanh Xuân	Phòng học xuống cấp, thiếu phòng học	Cải tạo, Xây mới	Điểm chính TH	Chống xuống cấp	2.000	1.300	400	300	2023	
3	<b>THCS Thanh Xuân</b>	Cải tạo 10 phòng học THCS Thanh Xuân; bổ sung máy tính cho 01 phòng tin học; lát sân vườn	Phòng học xuống cấp	cải tạo	Khuôn viên trường THCS	Chống xuống cấp	1.300	800	300	200	2023	
		Xây mới 4 phòng chức năng THCS Thanh Xuân	Phòng học xuống cấp, thiếu phòng chức năng	Cải tạo, Xây mới	THCS Thanh Xuân	Chương trình GD mới	1.600	1.300	200	100	2023	
<b>VI</b>	<b>Xã Thanh Sơn</b>											
1	<b>MN Thanh Sơn</b>	Cải tạo các phòng học, tường rào, khuôn viên Khu chính MN Thanh Sơn	Phòng học xuống cấp	Cải tạo	Điểm chính-MN	XD chuẩn và chống xuống cấp	1.000	700	200	100	2024	
		Xây mới 1 phòng học điểm lẻ Kè Mạnh - MN Thanh Sơn	Thiếu phòng học	Xây mới	Điểm lẻ Kè Mạnh -MN	Xây dựng chuẩn	800	700		100	2024	
2	<b>TH Thanh Sơn</b>	Xây mới 02 phòng học điểm lẻ Kè Mạnh - TH Thanh Sơn	Xuống cấp, gần khu nghĩa địa	Xây mới	Điểm lẻ Kè Mạnh-TH	Chống xuống cấp	1.000	700	200	100	2024	chuyển địa điểm
		Xây mới 05 phòng khu chính và cải tạo 05 phòng xuống cấp - TH Thanh Sơn; bổ sung máy tính cho phòng tin học; lát sân vườn	Thiếu phòng học, công trình xuống cấp	Cải tạo, Xây mới	Khu chính TH Thanh Sơn	Bổ sung hạng mục thiếu	2.000	1.300	500	200	2023	
3	<b>THCS Thanh Sơn</b>	Cải tạo khu 2 tầng, xây mới 04 phòng chức năng; bổ sung máy tính cho phòng tin học; lát sân vườn THCS Thanh Sơn	Phòng học xuống cấp, thiếu phòng chức năng	Cải tạo, Xây mới	THCS Thanh Sơn	Bổ sung hạng mục thiếu	2.200	1.300	600	300	2023	

<b>VII</b>	<b>Xã Thanh Quân</b>						0					
<b>1</b>	<b>MN Thanh Quân</b>	Cải tạo chống xuống cấp khu chính MN Thanh Quân; lát gạch khu chính	Xuống cấp	Cải tạo	Khu chính MN Thanh Quân	Chống xuống cấp	1.100	500	300	300	2024	
<b>2</b>	<b>TH Thanh Quân</b>	Cải tạo 8 phòng học xuống cấp khu chính; bổ sung máy tính cho 01 phòng máy, lát sân vườn khu chính TH Thanh Quân	Phòng học xuống cấp	Cải tạo	Điểm chính và các điểm lẻ-TH	Chống xuống cấp	1.400	900	300	200	2022	
		Xây mới thêm 2 phòng học điểm lẻ Lau Quan - TH Thanh Quân	Thiếu phòng học	Xây mới	Điểm lẻ Lâu Quán-TH	Bổ sung hạng mục thiếu	1.200	1.000	200		2023	
<b>VIII</b>	<b>Xã Thanh Lâm</b>						0					
<b>1</b>	<b>MN Thanh Lâm</b>	Xây mới 04 phòng học khu chính MN Thanh Lâm (2 tầng); lát gạch sân trường khu chính; nâng cấp khu lẻ làng Chảo	Thiếu phòng học	Xây mới	Điểm chính-MN	Xây dựng chuẩn	3.700	3.000	500	200	2022	Vốn 135: 2 tỷ
<b>2</b>	<b>THCS Thanh Lâm</b>	Cải tạo 8 phòng học; bổ sung máy tính cho 01 phòng học tin học; lát sân trường	Xuống cấp	Cải tạo	Khu chính	Chống xuống cấp	1.300	1.000	200	100	2023	
<b>IX</b>	<b>Xã Thanh Phong</b>						0					
<b>1</b>	<b>MN Thanh Phong</b>	Cải tạo 8 phòng học khu chính MN Thanh Phong	Xuống cấp	cải tạo	Điểm trường chính	Xây dựng chuẩn	600		500	100	2022	
		Xây mới 4 phòng (2 tầng) Khu chính MN Thanh Phong; lát gạch sân trường khu chính	Thiếu phòng học	xây mới	Điểm trường chính	Xây dựng chuẩn	3.200	2.500	700		2023	
		Xây mới 01 phòng học; tường rào, giếng, bếp ăn điểm lẻ Tân Hùng - MN Thanh Phong	Thiếu phòng học, thiếu nước, nhà vệ sinh xuống cấp, chưa có tường rào	Xây mới	Điểm lẻ Tân Hùng-MN	Xây dựng chuẩn	1.000	1.000			2022	nguồn 135



2	<b>TH Thanh Phong</b>	Xây mới 6 phòng học và cải tạo 05 phòng học khu chính TH Thanh Phong; lát gạch sân trường khu chính; bổ sung máy tính phòng tin học	Phòng học xuống cấp	Cải tạo	Điểm chính-TH	Xây dựng chuẩn	3.600	3.000	300	300	2023	
		Xây mới 01 nhà vệ sinh, tường rào; thay các cửa phòng học điểm lẻ Xuân Phong - TH Thanh Phong	Thiếu nhà vệ sinh; không tường rào; các cửa phòng học hư hỏng	Xây mới	Điểm lẻ Xuân Phong-TH	Xây dựng chuẩn	500		400	100	2024	
		Xây 01 nhà vệ sinh, tường rào điểm lẻ Tân Hưng - TH Thanh Phong	Thiếu nhà vệ sinh; không có tường rào; thiếu nước	Xây mới	Điểm lẻ Tân Hưng-TH	Xây dựng chuẩn	600	400	200		2022	nguồn 135
3	<b>THCS Thanh Phong</b>	Cải tạo 8 phòng học THCS Thanh Phong; lát gạch sân trường khu chính; bổ sung máy tính 01 phòng tin học	Xuống cấp	cải tạo	Khuôn viên trường THCS	Xây dựng chuẩn	1.000	500	300	200	2022	
		Xây mới 04 phòng chức năng THCS Thanh Phong	Thiếu phòng chức năng	Cải tạo, Xây mới	THCS Thanh Phong	Xây dựng chuẩn	1.600	1.200	400		2024	
<b>X</b>	<b>Xã Thanh Hòa</b>						0					
1	<b>MN Thanh Hòa</b>	Xây mới 06 phòng học (3 tầng) khu chính MN Thanh Hoà	Thiếu phòng học	Xây mới	Điểm chính-MN	Bổ sung hạng mục thiếu	4.800	4.000	800		2022, 2023	Nguồn NT mới
2	<b>TH- THCS Thanh Hòa</b>	Cải tạo 12 phòng học khu chính TH - THCS Thanh Hoà; lát gạch sân, vườn	Phòng học xuống cấp	Cải tạo	TH&THCS Thanh Hòa	Chống xuống cấp	1.500	1.000	400	100	2023	
<b>XI</b>	<b>Xã Hóa Quỳ</b>						0					
1	<b>MN Hóa Quỳ</b>	Sửa chữa lại 06 phòng học xuống cấp điểm chính MN Hoá Quỳ; khoan mới 01 giếng nước Thanh Lương; lát gạch khu chính sân trường	Phòng học xuống cấp	Cải tạo nâng cấp	Điểm chính-MN	Củng cố chuẩn	1.100	600	300	200	2023	
		Sửa chữa lại 01 phòng học xuống cấp điểm lẻ Đồng Tâm - MN Hoá Quỳ	Phòng học xuống cấp	Cải tạo nâng cấp	Điểm lẻ Đồng Tâm-MN	Củng cố chuẩn	100	100			2022	

2	TH Hóa Quý	Sửa chữa 04 phòng học; xây 01 nhà vệ sinh, xây tường rào điểm lẻ Xuân Đám - TH Hoá Quý	Các cửa phòng học xuống cấp, thiếu nhà vệ sinh, không có tường rào.	Cải tạo	Điểm lẻ Xuân Đám-TH	Chống xuống cấp	900	500	300	100	2022	
		Sửa chữa 04 phòng học điểm lẻ Đồng Tâm - TH Hoá Quý	Phòng học xuống cấp, thiếu bàn ghế	Cải tạo	Điểm lẻ Đồng Tâm-TH	Chống xuống cấp	800	500	200	100	2024	
		Xây mới 04 phòng học khu chính TH Hoá Quý; lát gạch sân trường khu chính; bổ sung máy tính 01 phòng học tin học	Thiếu phòng học	Xây mới	Điểm chính TH	Thiếu phòng học	2.700	2.000	400	300	2025	
3	MN Xuân Quý	Nâng cấp 08 phòng học xuống cấp; làm mới khu vận động của trẻ	Phòng học xuống cấp	Nâng cấp	Khu chính MN Xuân Quý	Nâng cấp	1.100	700	300	100	2022	
4	TH-THCS Xuân Quý	Xây mới 03 phòng chức năng, cải tạo 06 phòng học khu chính THCS (cũ); lát gạch sân trường	Thiếu phòng chức năng, học xuống cấp	Nâng cấp	Khu chính TH-THCS Xuân Quý	Bổ sung hạng mục thiếu	1.400	800	500	100	2025	
<b>XII</b>	<b>Xã Bình Lương</b>						0					
1	MN Bình Lương	Xây mới 03 phòng học điểm lẻ Hợp Thành - MN Bình Lương	Phòng học xuống cấp, Thiếu phòng học.	Cải tạo và xây mới	Điểm lẻ Hợp Thành-MN	XD chuẩn và chống xuống cấp	2.800	1.500	1.000	300	2022	
		Bổ sung mái tôn nhà 03 tầng, xây mới nhà bảo vệ, chỉnh trang khuôn viên khu chính MN Bình Lương	Còn thiếu mái tôn, khuôn viên xuống cấp	làm mới	Điểm chính MN Bình Lương	XD chuẩn và chống xuống cấp	500	300	100	100	2022	
2	TH-THCS Bình Lương	Nâng cấp sửa chữa khu chính TH-THCS Bình Lương; lát gạch sân trường	Xuống cấp	Cải tạo, nâng cấp	Điểm chính TH-THCS Bình Lương	Củng cố chuẩn	1.100	800	200	100	2024	

<b>XIII</b>	<b>Xã Tân Bình</b>						0					
1	<b>MN Tân Bình</b>	Sửa chữa 01 phòng học điểm điểm lẻ Thanh Bình - MN Tân Bình	Phòng học xuống cấp	Cải tạo	Điểm lẻ Thanh Bình- MN	Xây dựng chuẩn	200	0	200		2022	
		Xây Nhà hiệu bộ, 2 phòng học khu chính MN Tân Bình (2 tầng); lát gạch khu chính sân trường	Thiếu nhà hiệu bộ; phòng học, phòng chức năng	Xây mới	Điểm chính- Trường MN	Xây dựng chuẩn	3.000	2.500	500		2022	
		Xây mới 04 phòng học điểm lẻ Đức Bình (vị trí mới)- MN Tân Bình	Thiếu phòng học	Xây mới	Điểm lẻ Đức Bình-MN	Xây dựng chuẩn	3.200	1.200	400	1.600	2022	Vốn NTM
2	<b>TH-THCS Tân Bình</b>	Xây Nhà hiệu bộ khu chính TH-THCS Tân Bình, bổ sung máy tính 01 phòng học tin học, lát sân trường	Chưa có nhà hiệu bộ	Xây mới	Điểm chính- TH&THCS	Bổ sung hạng mục thiếu	1.000	1.000			2023	
<b>XIV</b>	<b>Xã Xuân Hòa</b>						0					
1	<b>MN Xuân Hòa</b>	Xây mới nhà vệ sinh, nhà bếp điểm lẻ Đồng Trinh MN Xuân Hoà	Thiếu nhà vệ sinh, thiếu nhà bếp	Xây mới	Điểm lẻ Đồng Trinh- MN	Bổ sung hạng mục thiếu	600	500	100		2022	
		Xây mới 12 phòng học 3 tầng; nhà hiệu bộ, tường bao quanh, công điểm chính MN Xuân Hoà	Chuyển về địa điểm mới (TT Y tế xã)	xây mới	điểm trường chính MN Xuân Hoà	Bổ sung hạng mục thiếu	8.000	6.000	1.500	500	2023	Vốn NTM
2	<b>TH Xuân Hòa</b>	Xây 02 phòng học; 01 nhà vệ sinh; sửa lại 03 phòng học xuống cấp điểm lẻ Đồng Trinh - TH Xuân Hoà	Thiếu phòng học, thiếu nhà vệ sinh, phòng học xuống cấp, thiếu bàn ghế HS	Cải tạo, Xây mới	Điểm lẻ Đồng Trinh- TH	Xây dựng chuẩn	2.000	1.500	500		2022	
		Xây mới 06 phòng học (02 tầng), bổ sung 100 bộ bàn ghế - điểm chính TH Xuân Hoà, bổ sung máy tính 01 phòng học tin học, lát sân trường	Thiếu phòng học, Thiếu bàn ghế HS	Xây mới	Điểm chính - TH	Xây dựng chuẩn	3.500	3.000	500		2022	

<b>XV</b>	<b>Xã Bãi Trành</b>						0					
1	<b>MN Bãi Trành</b>	Làm mới khu vận động, lát sân trường	Chưa có	Xây mới	Khu chính MN Bãi Trành	Nâng chuẩn	250	100	100	50	2025	
2	<b>TH Bãi Trành</b>	Xây mới 01 nhà hiệu bộ, 05 phòng học, phòng chức năng khu chính TH Bãi Trành; bổ sung máy tính 01 phòng học tin học, lát sân trường	Chưa có nhà hiệu bộ, thiếu phòng chức năng	Xây mới	Điểm chính-TH	Củng cố chuẩn	5.200	4.000	1.000	200	2022	
3	<b>THCS Bãi Trành</b>	Xây mới 04 phòng chức năng THCS Bãi Trành; bổ sung máy tính 01 phòng học tin học, lát sân trường	Thiếu phòng chức năng	Xây mới	THCS Bãi Trành	Củng cố chuẩn	1.800	1.000	600	200	2022	
<b>XVI</b>	<b>Xã Xuân Bình</b>						0					
1	<b>MN Xuân Bình</b>	Xây mới 02 phòng học; 100m tường rào điểm lẻ Thôn 12 - MN Xuân Bình	Thiếu phòng học, không có tường rào	Xây mới	Điểm lẻ Thôn 12-MN	Nâng chuẩn 2	1.700	1.000	500	200	2024	
		Xây mới 02 phòng chức năng khu chính MN Xuân Bình; lát gạch sân trường khu chính	Chưa có	Xây mới	Khu chính	Nâng chuẩn 2	1.300	1.000	200	100	2024	
		Xây mới 02 phòng học; tường rào điểm lẻ Thôn Hào - MN Xuân Bình	Phòng học xuống cấp (thanh lý), chưa có tường rào.	Xây mới	Điểm lẻ Thôn Hào - MN	Nâng chuẩn 2	1.800	1.200	600		2022	
2	<b>TH Xuân Bình</b>	Xây mới nhà vệ sinh điểm lẻ Xuân Hồng - TH Xuân Bình	Nhà vệ sinh xuống cấp	Xây mới	Điểm lẻ Xuân Hồng-TH	Củng cố chuẩn	300	0	300		2022	
		Xây mới 4 phòng học (nâng tầng); cải tạo nhà công vụ xuống cấp thành phòng chức năng (khu chính); bổ sung máy tính cho 01 phòng học tin học TH Xuân Bình	Thiếu phòng học, phòng chức năng	Cải tạo, Xây mới	Điểm chính-TH	Củng cố chuẩn	3.000	2.500	500		2022	

3	<b>THCS Xuân Bình</b>	Cải tạo nâng cấp 10 phòng học khu chính THCS Xuân Bình; bổ sung máy tính cho 01 phòng học tin học; lát sân trường	Xuống cấp	Cải tạo	Khu chính THCS Xuân Bình	Củng cố chuẩn	1.650	1.200	300	150	2022	
xvii	<b>TTGDNN-GDTX</b>	Sửa chữa lại 10 phòng KTX học sinh, 05 phòng nhà công vụ, 10 phòng nhà vệ sinh học sinh; đổ bê tông 200m2 sân trường	Nhà ở KTX học sinh xuống cấp; sân trường xuống cấp	Cải tạo	TTGDNN-GDTX	Chống xuống cấp	2.000	1.500	500		2024	